

Bản án số: 81/2023/HS-ST

Ngày: 15 – 12 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận;

Thẩm phán: Ông Dương Văn Bản

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Bắc

2. Bà Đỗ Phương Diệp

3. Bà Đặng Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thanh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2023/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị O; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22 tháng 12 năm 1969 tại: Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT: xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: xóm H, xã S, TP T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Nguyễn Xuân M (Đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1930; Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy. Chồng thứ nhất: Đặng Văn T1, sinh năm 1965 (Đã ly hôn năm 2013); Có hai con chung, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000; Chồng thứ hai: Nguyễn Đăng N, sinh năm 1968;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Năm 2007, TAND huyện Phú Lương xử phạt 07 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2012. Thi hành xong các khoản thi hành án dân sự ngày 23/7/2013.

Bị can bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo do** Đoàn Luật sư tỉnh T **cử:** Luật sư Nguyễn Thị Kim T2, Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T, (Có mặt).

*** Người chứng kiến:**

1. Nguyễn Thị V, sinh năm 1966. (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1982. (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

*** Cán bộ dẫn giải:** Đồng chí Trần Hồng Q - Có mặt tại điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 08/6/2023, tại khu vực ngõ A, Chi nhánh Công ty cổ phần Đ1 tại Thái Nguyên B thuộc xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T, bắt quả tang Nguyễn Thị O đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra phát hiện, thu giữ: Trong túi bên trái áo khoác chống nắng O đang mặc có 03 túi nilon màu trắng bên trong đều chứa các cục chất bột màu trắng được bọc ngoài bằng túi nilon màu đen (O khai đó là ma túy loại Heroine của mình để bán cho khách kiếm lời) – niêm phong ký hiệu **A**. Trong túi bên phải áo khoác chống nắng O đang mặc thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu hồng lắp sim số 0974.827.008 và 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh lắp sim số 0376.593.227 và 0878.135.403 - niêm phong ký hiệu **B**. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đồng thời đưa O cùng vật chứng về cơ quan điều tra để tiếp tục xác minh làm rõ.

Cùng ngày khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị O tại xóm H, xã S, TP T, tỉnh Thái Nguyên nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong:

+ Mở niêm phong **A**: 01 túi nilon màu đen bên trong có 03 túi nilon màu trắng, bên trong mỗi túi đều chứa các chất bột màu trắng có tổng khối lượng **102,416** gam. Lấy mẫu và gửi giám định **0,998** gam (ký hiệu **A1**); còn lại **101,418** gam niêm phong lưu kho (ký hiệu **A2**).

+ Mở niêm phong **B**: Kiểm tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu hồng, lắp sim số 0974827008 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh, lắp sim số 0376.593.227 và 0878.135.403 của O: Không có dữ liệu liên quan.

Tại bản kết luận giám định số 795/KL-KTHS ngày 16/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng trong phong bì **A1** gửi giám định là chất ma túy loại **Heroine**; khối lượng thu giữ ban đầu là **102,416** gam.

Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Khoảng 12 giờ ngày 07/6/2023, Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 (HKTT tại xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: xóm A, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là người quen của Nguyễn Thị O đem 03 túi Heroine đến nhà bán cho O với giá là 70.500.000 đồng. O đã trả trước cho L số tiền là 46.000.000 đồng, hai bên thống nhất số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi O bán hết số ma túy nêu trên. Sau đó O đem toàn bộ số ma túy vừa mua được cất giấu tại chỗ ở. Đến 13 giờ 30 phút ngày 08/6/2023, O lấy 03 túi Heroine đã mua được cất vào trong túi áo khoác chống nắng phía bên trái đang mặc trên người rồi đi đến khu vực lề đường ngõ công Trung tâm Đ2 thuộc xóm S, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên tìm người để bán lại số ma túy nhằm kiếm lời thì bị Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện, bắt quả tang, thu toàn bộ vật chứng như trên.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến.

Vật chứng vụ án: 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1 bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,988 gam mẫu còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu; 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A2, bên ngoài ghi: 101,418 gam (Một trăm linh một phẩy bốn trăm mười tám) chất bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Nguyễn Thị O; 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A3 bên ngoài ghi: Bì niêm phong ban đầu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu hồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKS, ngày 24/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Oanh về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phản luận tội tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát sau khi trình bày tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù. Phạt tiền bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ. Tạm giữ để đảm bảo thi hành án 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 19 năm, do bị cáo không có tài sản nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị xem xét trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại di động.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của luật sư: Đối với đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung là không có căn cứ vì bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ, mua bán trái phép chất ma túy vì mục đích lợi nhuận, năm 2007 bị cáo đã bị xử phạt về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị trả lại cho bị cáo. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Luật sư không có ý kiến đối đáp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người chứng kiến là bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Công Đ, tuy nhiên những người này đã có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do hám lời, khoảng 12 giờ ngày 07/6/2023, tại nhà ở của mình thuộc xóm S, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị O đã mua 102,416 gam ma túy loại Heroine với giá 70.500.000 đồng của Nguyễn Thị L để bán lại cho khách với giá 73.500.000 đồng. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/6/2023, khi O đang cất giấu toàn bộ số ma túy nêu trên trong túi áo khoác chống nắng và đứng ở khu vực lề đường ngõ cổng Trung tâm Đ2 thuộc xóm I, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để bán cho khách, nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a) ...

b) Heroine... có khối lượng 100 gam trở lên”.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người, làm nguy cơ gia tăng các loại tội phạm khác, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2007 bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện Phú Lương xử phạt 07 năm tù về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn, hối cải, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy thu giữ của bị cáo và vỏ bao mẫu gói hoàn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu A1, A2, A3.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone vỏ màu hồng và 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh của Nguyễn Thị O, bị cáo xác định không sử dụng vào việc liên hệ mua bán ma túy nên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của Luật sư bào chữa về nội dung xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo đã từng bị xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạm tội lần này vì mục đích lợi nhuận nên không có căn cứ xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đối với 02 chiếc điện thoại của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án nên không chấp nhận đề nghị trả lại cho bị cáo.

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định.

[9] Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ: Nguyễn Thị O khai mua ma túy của Nguyễn Thị L nhưng L không thừa nhận việc bán ma túy cho O vào ngày 07/6/2023 nên không có căn cứ để xử lý đối với L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị O phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O 20 (hai mươi) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 5 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A1 trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Minh T3, Nguyễn Đăng H và 03 hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,988 gam mẫu còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu A1 vụ: Nguyễn Thị O, sinh năm: 1969 – Phạm tội về ma túy.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị O và các thành phần tham gia, đóng 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, bên ngoài ghi: 101,418 gam (Một trăm linh một phẩy bốn trăm mười tám) chất bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Nguyễn Thị O 1969 ngày 08.06.2023.

- 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu A3 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị O và các thành phần tham gia, đóng 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Bì niêm phong ban đầu.

* Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 điện thoại di động đựng trong 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu B1 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị O và các thành phần tham gia, đóng 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Điện thoại di động Iphone vỏ màu hồng của Nguyễn Thị O; 01 điện thoại di động đựng trong 01 bì niêm phong theo quy định ký hiệu B2 trên mép dán có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị O và các thành phần tham gia, đóng 03 hình dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh

Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 09 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên ngày 07/10/2023.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận